TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 6 - 2025
V/v:"Không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Bà Quách Thị Tình

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:40/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc "Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Đức T; Sinh năm: 1969

Địa chỉ: Khu phố T, Thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

-*Bị đơn:* Chị Quách Thị T; Sinh năm: 1968

Địa chỉ: Khu phố T, Thị trấn V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Quách Thị T chung sống như vợ chồng từ năm 1993, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận đến năm 2012 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh và chị T tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Thêm vào đó, chị T thường ghen tuông vô cớ và gây áp lực với anh. Anh đã đi làm xa trong một thời gian dài để mong chị T thay đổi nhưng chị T vẫn chứng nào tật nấy. Anh và chị T đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định

tình cảm với chị T không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết không công nhận anh và chị T là vợ chồng.

Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung là Bùi Văn Đ, sinh năm 1993 và Bùi Văn T, sinh năm 1998. Hiện nay cả 02 con đều đã thành niên, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2025, chị Quách Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Đức T chung sống như vợ chồng và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi vào năm 1993. Việc chị với anh T có đăng ký kết hôn hay không thì chị không nhớ, hiện tại thì chị cũng không có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, tình cảm vợ chồng hòa thuận bình thường, nhưng khoảng 10 năm trở lại đây thì anh T đã đi theo người phụ nữ khác nên không quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Tuy nhiên, chị không muốn con cái phải thiếu thốn tình cảm của bố mẹ nên chị không đồng ý ly hôn với anh T mà mong muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh T trình bày. Hiện nay cả 02 con đều đã thành niên, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn về cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Không công nhận anh Bùi Đức T và chị Quách Thị T là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ nên căn cứ khoản 2 Điều 97; Khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS), Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016, TAND huyện Thạch Thành thông báo cho VKSND huyện Thạch Thành biết để thực hiện chức năng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3]. Anh T có đơn đề nghị không tiến hành hòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, anh T và chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh T và chị T.

[5]. Về hôn nhân: Anh Bùi Đức T và chị Quách Thị T chung sống như vợ chồng từ năm 1993 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương nhưng hai bên không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc này, đã được UBND thị trấn V xác nhận và phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được. Nay anh T yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị T là vợ chồng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận anh Bùi Đức T và chị Quách Thị T là vợ chồng.

[6]. Về con chung: Quá trình chung sống, anh T và chị T có 02 con chung là Bùi Văn Đ, sinh năm 1993 và Bùi Văn T, sinh năm 1998. Hiện nay cả 02 con đều đã thành niên, anh T và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[7]. Về tài sản: Anh T và chị T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Bùi Đức T và chị Quách Thị T là vợ chồng.

2. Về án phí: Anh Bùi Đức T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền anh T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số BLTU/24/0003840 ngày 08/4/2025. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Bùi Đức T và chị Quách Thị T. Anh T và chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc